TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **323**/2019/DS-ST
Ngày: 05/11/2019
V/v tranh chấp:
"Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Mai Văn Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa:* Ông Phan Văn Y – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLST-DS ngày 12/02/2019 về việc tranh chấp *"Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2552/2019/QĐXXST-DS ngày 16/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1969 (có mặt).
Nơi cư trú: số nhà 58/1, ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1968 (có mặt).
Nơi cư trú: số nhà 53/1, ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Q, sinh năm: 1973; Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1995; Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1996; Chị Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm: 1999. Cùng nơi cư trú: số nhà 58/1, ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Tất cả cùng củy quyền cho ông Nguyễn Văn H tham gia tố tụng.

- Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1988; Chị Phạm Thị S, sinh năm: 1990; Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1992; Cùng nơi cư trú: số nhà 53/1, ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Tất cả cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án – nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đồng thời được sự ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Q, chị Nguyễn Thị Kim P, anh Nguyễn Hoàng N và chị Nguyễn Thị Ngọc V trình bày:

Gia đình ông đang sử dụng thửa đất số 186, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.188,5m^2 tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre, để đi ra được đến đường công cộng bắt buộc phải đi qua phần đất thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 7 của bà Nguyễn Thị T cũng chính là phần đất mà hiện nay gia đình ông đang có yêu cầu mở lối đi vì đây là lối đi duy nhất.

Khi Nhà nước làm lại con đê cũng chính là đường công cộng hiện nay (con đê được mở lại cách nay khoảng 20 năm) thì ông đã về ở và sử dụng thửa đất 186 này. Trước đó, khi cha chồng của bà T là ông Phạm Văn T và chồng bà T là ông Phạm Văn M còn sống vẫn cho ông và gia đình ông đi lại trên lối đi thuộc một phần thửa đất số 65 này, không ai ngăn cản gì. Có lần ông có đến gặp ông M đặt vấn đề mua lại một phần đất để làm lối đi, ông M có nói là anh em với nhau không lẽ ông M không cho đi và kêu ông cứ việc đi bình thường. Sau khi ông M chết, bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 65, bà T vẫn cho gia đình ông đi lại trên lối đi này và cũng để thuận tiện cho việc đi lên xuống ông có đắp đất trên phần đường đi này. Đến khoảng tháng 4/2018, do giữa gia đình ông với bà T có xảy ra chút mâu thuẩn về đường nước, dẫn đến việc bà T rào phần đất làm đường đi lại không cho gia đình ông đi nữa, bà T rào phần đường đi cũ từ trước đến nay, mặc dù có chừa lại cho gia đình ông một phần đất làm đường đi, tuy nhiên phần đất chừa làm đường đi này rất nhỏ hẹp, không thuận tiện việc đi lại hay chạy xe gì được. Ngoài phần đất bà T chừa lại cho gia đình ông đi qua đo đạc thực tế có diện tích 0.2m^2 thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65A) và phần đất mà gia đình ông có yêu cầu mở lối đi với diện tích 0.6m^2 thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65B) này thì gia đình ông không còn lối đi nào khác vì xung quanh đều là vuông nuôi tôm, đất của gia đình bà T.

Tại tòa hôm nay, ông yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T mở cho ông cùng các thành viên trong hộ gia đình ông là Phạm Thị Q, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Thị Ngọc V phần đất làm lối đi có diện tích theo đo đạc thực tế 0.6m^2 (ngang 01m, dài 0.83m) thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65B), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do thửa đất 65 cấp cho cá nhân bà T nên ông chỉ yêu cầu bà T mở lối đi, không yêu cầu những thành viên trong hộ gia đình bà T phải có nghĩa vụ cùng bà T mở lối đi cho ông.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc theo họa đồ hiện trạng ngày 03/5/2019 và kết quả định giá tài sản theo biên bản định giá ngày 07/6/2019 không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Ông tự nguyện đền bù cho bà T giá trị phần đất làm lối đi với số tiền 2.000.000 đồng. Về chi phí tố tụng mà ông đã tạm nộp, ông tự nguyện nộp toàn bộ, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, hoà giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa – bị đơn bà Nguyễn Thị T đồng thời được sự ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị S và anh Phạm Văn T trình bày:

Phần đất mà ông H yêu cầu mở lối đi với diện tích 0.6m^2 (ngang 01m, dài 0.83m) thuộc một phần thửa đất số 65 (vị trí 65B), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre trước nay bà vẫn cho gia đình ông H đi lại bình thường, không có ngăn cản gì. Việc gia đình ông H đi lại trên lối đi này không có ảnh hưởng gì đến việc sử dụng đất của bà, gia đình ông H đã đi lại trên lối đi này đến nay đã hơn 20 năm. Chỉ là vào khoảng tháng 4/2018 khi ông H kêu hai ghe cát vào đổ đất trước sân nhà ông H. Trong quá trình bơm cát thì nước cùng cát có chảy qua đất của bà, giữa hai gia đình có nói qua lại về việc này. Sau đó, hai bên tiếp tục nói qua nói lại về ranh đất và từ những mâu thuẫn nói qua lại như vậy, bà mới rào phần đất lối đi mà trước nay bà vẫn cho gia đình ông H đi lại.

Tại tòa hôm nay, bà không đồng ý mở cho ông H cùng các thành viên trong hộ gia đình ông H là Phạm Thị Q, Nguyễn Thị Kim Pg, Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Thị Ngọc V phần đất làm lối đi có diện tích theo đo đạc thực tế 0.6m^2 (ngang 01m, dài 0.83m) thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65B), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre vì ngoài phần lối đi ông H có yêu cầu mở này thì bà đã chừa cho gia đình ông H phần đất để đi lại có diện tích theo đo đạc là 0.2m^2 (ngang 01m, dài 0.42m) thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65A), tờ bản đồ số 7. Bà khẳng định ngoài

phần đất có diện tích 0.2m^2 bà đang chừa cho gia đình ông H đi và diện tích 0.6m^2 mà ông H yêu cầu bà mở lối đi thì gia đình ông H không có lối đi nào khác, bởi xung quanh thửa đất 186 của ông H đều là vuông nuôi tôm và đất của gia đình bà. Bà là người đứng tên cá nhân quyền sử dụng đất thửa đất 65, nên cá nhân bà có toàn quyền quyết định phần đất này, không liên quan đến các thành viên trong hộ gia đình bà.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc thực tế phần đất tranh chấp và kết quả định giá tài sản, không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Do không đồng ý mở lối đi nên bà không đồng ý nhận của ông H số tiền đền bù giá trị đất là 2.000.000 đồng. Trên phần đất yêu cầu mở lối đi không có tài sản gì khác.

Tài sản tranh chấp đã được xem xét, thẩm định và định giá cụ thể như sau:

Về đất: Thửa 65 (vị trí 65B), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre; diện tích 0.6 m^2, giá 173.000 đồng/m^2.

Thành tiền: 0.6 m^2 x 173.000đ/m^2 = 103.800 đồng.

Trên phần đất tranh chấp không có tài sản nào khác.

Ông Nguyễn Văn H đã tạm nộp tiền đo đạc địa chính 285.000 đồng, lệ phí định giá tài sản 350.000 đồng cùng lệ phí trích lục 60.000 đồng. Tổng số tiền đã nộp là 695.000 đồng.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Các đương sự trong vụ án đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc bà Nguyễn Thị T mở cho ông H cùng các thành viên trong hộ gia đình ông H là Phạm Thị Q, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Thị Ngọc V phần đất làm lối đi có diện tích theo đo đạc thực tế 0.6m^2 (ngang 01m, dài 0.83m) thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65B), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận việc bà T đồng ý mở cho ông H cùng các thành viên trong hộ gia đình ông H phần đất làm lối đi có diện tích 0.2m^2 (ngang 01m, dài 0.42m), thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65A), tờ bản đồ số 7 và việc ông H tự nguyện đền bù cho bà T giá trị phần đất làm lối đi với số tiền 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án và đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề";* Bị đơn bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị T mở cho ông H cùng các thành viên trong hộ gia đình ông H phần đất làm lối đi có diện tích theo đo đạc thực tế 0.6m^2 (ngang 01m, dài 0.83m) thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65B), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Còn bà T thì không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất có diện tích 0.6m^2 (ngang 01m, dài 0.83m) thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65B), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre mà ông H có yêu cầu bà T mở lối đi phần đất này hiện nay do bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất với tổng diện tích 151.2m^2, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/7/2011. Tại tòa, bà T cho rằng phần đất đang có yêu cầu mở lối đi này gia đình ông H đã đi lại từ trước đến nay đã hơn 20 năm và việc gia đình ông H sử dụng lối đi này không ảnh hưởng gì đến việc sử dụng đất của bà. Chỉ vào khoảng tháng 4/2018 do xảy ra mâu thuẫn giữa hai gia đình nên bà T mới rào lối đi lại. Khi rào lối đi cũ này bà T có chừa lại cho gia đình ông H phần đất có diện tích 0.2m^2 để đi lại, nên bà T không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu ông H. Tuy nhiên, xét thấy phần đất có diện tích 0.2m^2 mà bà T chừa cho gia đình ông H đi lại này là một cái dốc giáp với con đê có chiều dài quá nhỏ và theo xác nhận của những người làm chứng ở gần phần đất có yêu cầu mở lối đi là bà Nguyễn Thị Hồng C, ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T thì cả bà C ông M và bà T cũng đều cho rằng ngoài phần đất là lối đi cũ mà bà T đã rào lại không cho gia đình ông H đi thì bà T có chừa cho gia đình ông H một phần đất để đi lại, tuy nhiên phần đất mà bà T chừa cho gia đình ông H để làm lối đi này rất nhỏ không thuận tiện cho việc đi lại,

chạy xe lên xuống. Từ lúc bà T rào lối đi đến nay, gia đình ông H đều gửi xe ở nhà người quen chứ không thể chạy xe vào nhà được. Ngoài phần đất mà bà T chừa lại có diện tích 0.2m^2 và phần đất mà ông H đang có yêu cầu mở lối đi với diện tích 0.6m^2 thì ông gia đình H không còn lối đi nào khác để ra đường công cộng vì xung quanh đều là vuông tôm và đất của gia đình bà T. Qua đó cho thấy, nếu bà T không đồng ý cho gia đình ông H sử dụng phần đất thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65B), tờ bản đồ số 7 để dùng làm lối đi ra đường công cộng là gây khó khăn cho gia đình ông H trong việc sử dụng đất và không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể điều luật quy định: "*Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra ít nhất cho bất động sản có mở lối đi. Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".*

Lẽ đó, việc ông H yêu cầu bà T mở cho ông H cùng các thành viên trong hộ gia đình ông H lối đi có diện tích 0.6m^2 (ngang 01m, dài 0.83m) thuộc một phần thửa số 65 (vị trí 65B), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại Tòa, bà Nguyễn Thị T đồng ý mở cho ông H cùng các thành viên trong hộ gia đình ông H lối đi có diện tích 0.2m^2 (ngang 01m, dài 0.42m) thuộc một phần thửa 65 (vị trí 65A), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Ông H tự nguyện đền bù cho bà T giá trị phần đất để làm lối đi với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), xét thấy đây là chi phí hợp lý và do ông H tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử xét ghi nhận.

[6] Tại Tòa, ông H chỉ yêu cầu bà T mở lối đi cho gia đình ông vì thửa đất số 65 do cá nhân bà T đứng tên quyền sử dụng đất. Bà T cũng thống nhất việc các thành viên trong hộ gia đình bà không có liên quan gì, cá nhân bà có toàn quyền quyết định phần đất này. Nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết buộc cá nhân bà T mở lối đi cho gia đình ông H.

[7] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện nộp toàn bộ số tiền chi phí tố tụng 695.000 đồng và đã nộp xong.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của ông H việc mở lối đi được chấp nhận nên bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch với số tiền 300.000 đồng. Ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm dựa trên số tiền đền bù giá trị đất cho bà T với số tiền án phí là 300.000 đồng.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 92, 147, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 166, 170, 171, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc bà Nguyễn Thị T mở cho ông H cùng các thành viên trong hộ gia đình ông Hòa là Phạm Thị Q, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Thị Ngọc V lối đi có diện tích 0.6m^2 (chiều ngang 01m, chiều dài 0.83m) thuộc một phần thửa đất số 65 (vị trí 65B), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc mở cho ông Nguyễn Văn H cùng các thành viên trong hộ gia đình ông H là Phạm Thị Q, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Thị Ngọc V lối đi có diện tích 0.2m^2 (chiều ngang 01m, chiều dài 0.42m) thuộc một phần thửa đất số 65 (vị trí 65A), tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 65, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre kèm theo.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H về việc đền bù cho bà Nguyễn Thị T giá trị phần đất mở lối đi với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Các đương sự được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký biến động về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Các đương sự không tranh chấp và không có yêu cầu nào khác nên không đề cập xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T nếu ông Nguyễn Văn H chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 695.000 đồng. Ông H đã nộp xong số tiền này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn H phải chịu: 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021672 ngày 11/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Như vậy, án phí ông H đã nộp xong.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên